

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON 23/11

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON 23/11

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lý Mỹ Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Phạm Thùy Trang	Phó Hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Thị Phương	Phó Hiệu Trưởng	Ủy viên Hội đồng	
4	Huỳnh Thị Ngọc Lan	Văn Thư - thư ký	Ủy viên Hội đồng	
5	Huỳnh Thị Thu Vân	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
6	Trần Thị Thúy Nga	Tổ trưởng chuyên môn khối Nhà trẻ	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hồng Sang	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thị Hồng Hà	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 4-5 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
9	Huỳnh Thị Chương Châu	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thụy Ái Vi	Chủ Tịch Công Đoàn	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Huyền Hạng	Bí Thư Chi Đoàn	Ủy viên Hội đồng	
12	Hồ Thị Nhung	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Ủy viên Hội đồng	
13	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các Hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	33

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	43
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	44
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	47
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	59
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc,	65

giáo dục trẻ	
Mở đầu	65
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	65
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	69
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	71
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	76
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		

Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X		

Kết quả: đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I.
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non 23/11

Tên trước đây: Trường Mầm non 23/11

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Lý Mỹ Hương
Huyện/quận /thị xã/thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	08.38910070
Xã/phường/thị trấn	Thị trấn Hóc môn	Fax	Không
Đạt CQG	Không	Website	https://mn23thang11hocmon.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	09/01/1992	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2024- 2025	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
Nhóm trẻ từ 3 - 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 19 - 24 tháng tuổi	00	00	01	00	00
Nhóm trẻ từ 25 - 36 tháng tuổi	03	03	02	03	02
Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	03	03	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi	04	04	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	04	04	04	03	03
Lớp ghép 3 tuổi – 4 tuổi	00	00	00	00	00
Lớp ghép 4 tuổi – 5 tuổi	00	00	00	00	00
Lớp ghép 3 tuổi – 5 tuổi	00	00	00	00	00
Lớp ghép 3 tuổi – 4 tuổi – 5 tuổi	00	00	00	00	00
Cộng	14	14	13	12	11

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2024- 2025	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	14	14	13	12	11
1	Phòng kiên cố	14	14	13	12	11

TT	Số liệu	Năm học 2024- 2025	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
II	Khối phòng phục vụ học tập	14	14	13	12	11
1	Phòng kiên cố	14	14	13	12	11
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
III	Khối phòng hành chính quản trị	03	03	03	03	03
1	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
IV	Khối phòng tổ chức ăn	00	00	00	00	00
1	Phòng kiên cố	00	00	00	00	00
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	02	02	03	03	03
	Cộng	19	19	19	18	17

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 4 năm 2024):

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	01	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	26	26	00	00	01	25	
Nhân viên	11	07	00	06	05	00	
Cộng	40	37	01	06	06	28	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2024-2025	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	30	30	30	25	26
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	$59/6=9,83$	$60/6=10$	$56/7=9,29$	$56/6=9.33$	$27/4=6.75$
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	$379/24=16,47$	$266/24=11,08$	$229/23=9,96$	$267/25=10.68$	$209/22=9.5$
5	Tổng số giáo	01	01	8		05

TT	Số liệu	Năm học 2024- 2025	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
	viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)				00	
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	01	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
1	Tổng số trẻ em	438	326	285	267	236
	- <i>Nữ</i>	210	162	142	125	124
	- <i>Dân tộc thiểu số</i>	05	05	05	05	03
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	02	00
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00
4	Tuyển mới	133	43	78	21	50
5	Học 2 buổi/ngày	438	326	285	267	236
6	Bán trú	438	326	285	267	236
7	Tỷ lệ trẻ em/ lớp	35	24.2	22.9	22.25	21.45
8	Tỷ lệ trẻ em/ nhóm	20	20	18.6		23

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
9	-Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
	-Trẻ em từ 19 đến 24 tháng tuổi	00	00	13	00	00
	-Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	59	60	43	56	27
	-Trẻ em từ 3-4 tuổi	102	58	60	70	66
	-Trẻ em từ 4-5 tuổi	122	89	73	66	70
	-Trẻ em từ 5-6 tuổi	155	119	96	75	73
10	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

Phần II.

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường

Trường Mầm non 23/11, nằm trên đường Bà Triệu, khu phố 01 Thị Trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn. Được tiếp thu từ nhà dân và đi vào hoạt động từ năm 1976, được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đầu tư, xây dựng, sửa chữa dần theo từng năm, chính thức thành lập theo quyết định số 01/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường Mầm non 23/11 có tổng diện tích đất 2.032,8m² trong đó diện tích xây dựng là 1.009,32m², diện tích sân chơi 1.023,48m².

Trường có 11 phòng học, 03 phòng làm việc, 01 phòng đa chức năng, 01 nhà bếp, 01 phòng y tế, 01 phòng thư viện, 1 phòng Stem 01 phòng bảo vệ và một số công trình phụ khác.

Tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên là 40 người, tổng số học sinh là 236 học sinh với 04 độ tuổi từ 25 tháng tuổi đến 5 tuổi.

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua luôn được duy trì về số lượng, chất lượng chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao. Trong quá trình hoạt động, nhà trường đã được tặng bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ (năm 1980, năm 2001); Năm 1983 nhận Huân chương lao động hạng 03; năm 1985 bằng khen của Hội đồng bộ trưởng; năm 1999-2000 nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo; năm 2003 nhận cờ “Đơn vị xuất sắc” của Ủy ban nhân dân Thành phố; Năm học 2015-2016 nhận cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” của Ủy ban nhân dân Thành phố; tháng 10/2016 nhà trường được Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1; năm học 2018-2019 nhận Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh đạt thành tích xuất sắc trong hai năm liền. năm học 2019-2020 trường đạt thành tích xuất sắc qua 20 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2000-2020 trên địa bàn Huyện Hóc Môn; năm học 2024-2025 nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố đạt danh hiệu “Đơn vị học tập” tiêu biểu (giai đoạn 2016-2020). Nhiều năm liền nhà trường đã đạt được thành tích “Tập thể lao động xuất sắc”.

Chi bộ trường hiện nay gồm 24 đảng viên, Chi bộ đạt “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” năm 2016, năm 2019, đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2017, năm 2018, năm 2020. Công đoàn và đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt vững mạnh nhiều năm liền.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nhiệt tình, năng động sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo được niềm tin với các cấp lãnh đạo, cha mẹ trẻ và toàn xã hội. Ban đại diện Cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ nhà trường trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá

Qua việc tự đánh giá giúp nhà trường từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường Mầm non 23/11 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Trường Mầm non 23/11 tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch đánh giá, thông qua buổi họp Hội đồng sư phạm và triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Từ ngày 20 tháng 4 năm 2025 đến ngày 30 tháng 4 năm 2025: các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí, lập bảng danh mục mã minh chứng.

Ngày 03 tháng 5 năm 2025 đến ngày 05 tháng 5 năm 2025: thông qua hoạt động tự đánh giá của các thành viên, tổ nhóm, hội đồng tự đánh giá thống nhất về mức độ đơn vị đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 08 tháng 5 năm 2025 đến ngày 12 tháng 5 năm 2025: họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa, xử lý các ý kiến đóng góp, bổ sung hoàn thiện báo cáo tự đánh giá đồng thời đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Từ ngày 13 tháng 5 năm 2025 đến ngày 15 tháng 5 năm 2025: công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường. Nộp báo cáo tự đánh giá về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn.

Cập nhật, lưu trữ báo cáo tự đánh giá, các minh chứng và các tài liệu có liên quan đến khi đủ điều kiện thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan có thẩm quyền.

Kết quả đạt được trong quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục không chỉ dừng lại ở việc hoàn tất các thủ tục của qui trình kiểm định chất lượng giáo dục mà quan trọng hơn là giúp cho nhà trường có cơ sở đánh giá chính xác và

thực hiện việc điều chỉnh các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cách toàn diện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non 23/11 có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2021-2025, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường lập kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch năm học một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng

đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa đạt hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược.

3. Điểm yếu

Sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển quy mô trường lớp, phối hợp lấy ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Mầm non 23/11 có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 13 thành viên [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: hội đồng

tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học mới. Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường... [H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường giúp nhà trường đánh giá các hoạt động, rà soát các chỉ tiêu nhà trường đề ra trong kế hoạch năm học, trường đã thực hiện từng học kỳ. Hội đồng thi đua giúp nhà trường nhận xét, đánh giá thi đua chất lượng hiệu quả, công khai, theo đúng quy trình [H1-1.2-03].

c) Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ, rà soát và đánh giá để nâng cao hiệu quả hoạt động [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hoạt động của nhà trường được thực hiện đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ: giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quy chế dân chủ không để xảy ra trường hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực. Tuy nhiên, các thành viên trong Hội đồng trường luôn có sự thay đổi nên công tác phối hợp, kiểm tra, rà soát định kỳ chưa linh hoạt trong quá trình thực hiện [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong Hội đồng trường đôi khi có sự thay đổi, nên công tác phối hợp và kiểm tra, rà soát định kỳ của các thành viên trong Hội đồng trường chưa linh hoạt trong quá trình thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo Hội đồng trường cần nắm bắt tâm tư nguyện vọng của đội ngũ giáo viên, nhân viên trong đơn vị, tham mưu đưa vào Hội đồng trường những thành viên vững chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm sẽ giúp việc cho Hội đồng trường và các hội đồng khác, quản lý tốt công tác bàn giao khi có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng, đảm bảo tính kế thừa, phối hợp hỗ trợ nhân sự mới để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ chức công đoàn cơ sở của nhà trường gồm 44 công đoàn viên [H1-1.3- 01], có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trực thuộc Đoàn thị trấn Hóc môn [H1-1.3-02]. Trường có các tổ chức xã hội: Chi hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03], Chi Hội khuyến học [H1-1.3-04].

b) Ban chấp hành công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng Công đoàn, nhiều năm liền đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 10 đoàn viên trực thuộc Đoàn thị trấn Hóc môn, đạt chi đoàn vững mạnh nhiều năm liền [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn [H1-1.3-03], Chi hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của hội Khuyến học thị trấn Hóc môn [H1-1.3-04].

c) Ban chấp hành Công đoàn trường họp định kỳ 01 quý/lần, các tổ công đoàn họp 01 tháng/lần để rà soát, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết đã đề ra. Công đoàn nhận xét đánh giá tình hình những mặt đạt được và chưa đạt được về thực hiện các chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên. Đánh giá các chương trình hành động, chế độ khen thưởng, việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ trong từng học kỳ [H1-1.3-01]. Chi đoàn trường tổ chức đánh giá các hoạt động thông qua các báo cáo tổng kết cuối mỗi học kỳ [H1-1.3-02]. Chi hội khuyến học, chi hội chữ thập đỏ hàng năm đánh giá các công tác thực hiện được và chưa được để từ đó đưa ra phương hướng thực hiện trong thời gian tới [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Nhà trường có chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy thị trấn Hóc môn, Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng. Chi bộ có 24 Đảng viên (02 cán bộ quản lý, 20 giáo viên và 02 nhân viên), định kỳ hằng tháng tổ chức sinh hoạt đúng quy định để đánh giá công tác xây dựng Đảng, các hoạt động trong nhà trường và chỉ đạo các hoạt động đoàn thể [H1-1.3-05]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ đã đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2018, 2020, 2021, 2022; năm 2019 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn vận động các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến kinh nghiệm, vận động đóng góp ủng hộ các phong trào, các cuộc vận động xã hội như đóng góp nhà tình nghĩa, quỹ vì người nghèo, hiến máu nhân đạo... Đoàn thanh niên thực hiện các công trình thanh niên như vườn hoa, vườn rau. Đoàn thể giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-05]. Hằng năm, Chi hội Chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của Hội Chữ thập đỏ huyện [H1-1.3-03]. Hằng năm nhà trường có nuôi heo đất khuyến học. Năm học 2024-2025 số tiền: 28.540.000 đồng. Chi hội Khuyến học nhà trường có chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn, mỗi học kỳ có 09 suất, mỗi suất 200.000 đồng [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 01 năm đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019. Có 04 năm chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2018, năm 2020, năm 2021, năm 2022 [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như tham gia hội thi văn nghệ “Mừng Đảng, mừng xuân” đạt giải khuyến khích, hội thi cắm hoa Nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 đạt giải khuyến khích, hỗ trợ văn nghệ cho Đoàn thị trấn, ngành giáo dục, tham gia hội thi làm hoa mai giả đạt giải ba, các hội thi tìm hiểu lịch sử Đảng bộ thị trấn, “Hội thi dân vận khéo” đạt giải ba, Hội thi hát karaoke do thị trấn tổ chức đạt giải khuyến khích. Tuy nhiên, số lượng đoàn viên ít, đa số là nữ nên hoạt động chi đoàn chưa phong phú, đa dạng.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. Điểm yếu

Số lượng đoàn viên ít nên hoạt động chi đoàn chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức của các đoàn thể và các tổ chức khác hoạt động ổn định đúng theo quy định, giữ vững các danh hiệu, thành tích đã đạt được, Ban chấp hành các đoàn thể, các tổ chức của nhà trường thường xuyên liên hệ mật thiết với các tổ chức chính trị-xã hội địa phương phối hợp cùng tổ chức các hoạt động đa dạng phong phú để đạt hiệu quả cao hơn việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng cho đội ngũ và trẻ tốt hơn để đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, phát triển nhà trường cũng như tổ chức nhiều phong trào thiết thực hơn cho cộng đồng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 23/11 với quy mô 12 nhóm, lớp nên được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn bố trí gồm Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Hóc môn [H1-1.4-01].

b) Trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm 04 tổ giáo viên (01 tổ giáo viên khối nhà trẻ, 01 tổ giáo viên khối mẫu giáo 3-4 tuổi, 01 tổ giáo viên khối mẫu giáo 4-5 tuổi, 01 tổ giáo viên khối mẫu giáo 5-6 tuổi), 01 tổ cấp dưỡng (03 cấp dưỡng) và tổ văn phòng gồm 03 cán bộ quản lý, 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 thủ quỹ kiêm văn thư, 03 bảo vệ, 02 phục vụ [H1-1.4-02].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: “Xây dựng môi trường chăm sóc giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, “Tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội”, “Thực hành thao tác lau nhà và tổ chức giờ ngủ cho trẻ trong trường mầm non”, “Tổ chức hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non”, “Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non”, “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” [H1-1.4-05]. Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả. Tuy nhiên, tổ chuyên môn

khối nhà trẻ có một vài giáo viên lớn tuổi nên ứng dụng chương trình Mindjet-Maid Manager trong xây dựng kế hoạch giáo dục còn hạn chế.

b) Tổ chuyên môn của nhà trường thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu:

Tổ chuyên môn khối nhà trẻ có một vài giáo viên lớn tuổi nên ứng dụng chương trình Mindjet-Maid Manager trong xây dựng kế hoạch giáo dục còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và giáo viên khối nhà trẻ sẽ hỗ trợ hướng dẫn giáo viên trong tổ cập nhật nhanh hơn chương trình Mindjet-Maid Manager.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

Mức 1:

a) *Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;*

b) *Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;*

c) *Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.”*

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh và huy động trẻ 5 tuổi ra lớp theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định . [H1-1.5-01].

+ Nhóm 25-36 tháng: 03

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 03

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 03

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 03

b) 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi/ ngày [H1-1.5-01].

c) Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

Năm học 2024-2025 toàn trường có tổng số 267 trẻ, trong đó có: 3 lớp 25-36 tháng (43 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (60 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (73 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (96 trẻ) [H1-1.5-01]. Số trẻ của các lớp năm nay giảm nhiều so với những năm trước do trường diện tích hẹp, kém thu hút học sinh so với các trường trên địa bàn nên số học sinh dự tuyển chưa cao so với kế hoạch tuyển sinh và quy định Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Nhà trường có 12 nhóm trẻ và lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 02 buổi/ ngày.

3. Điểm yếu

Số trẻ của nhóm nhà trẻ thấp hơn so với quy định Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ có những giải pháp phối hợp chính quyền địa phương nhằm tuyển sinh đúng số lượng trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hồ sơ, sổ sách của nhà trường được thực hiện như: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01], hồ sơ thi đua [H1-1.2-03], hồ sơ quy hoạch bổ nhiệm Cán bộ quản lý [H1-1.6-02], hồ sơ kiểm tra bộ phận [H1-1.6-03], sổ công văn đi, đến [H1-1.6-04], hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.6-05], hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-06]. Hồ sơ có đầy đủ, sắp xếp khoa học đúng theo quy định của luật lưu trữ.

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-07]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-08]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-09].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: “Quản lý cán bộ công chức”, “Quản lý dữ liệu giáo dục”, “Phổ cập giáo dục” [H1-1.6-10]. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: “Quản lý tài sản”, hệ thống IMAS [H1-1.6-11].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-07].

Mức 3:

Trường có xây dựng có kế hoạch ngắn hạn. Tuy nhiên, chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình

độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học [H1-1.7-01]. Có 01 cán bộ quản lý và 01 giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ Quản lý Giáo dục. Tuy nhiên, còn 04 giáo viên khối nhà trẻ chưa tham gia lớp nâng cao trình độ lên Đại học và 03 cấp dưỡng còn trình độ sơ cấp.

b) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Bảng phân công được Cán bộ quản lý họp thống nhất và triển khai thực hiện trong nhà trường [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 37 của Điều lệ trường mầm non (Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội) [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công hợp lý để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-02]. Hằng quý, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-04];

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên trên phần mềm. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo đạt hiệu quả.

Có 01 cán bộ quản lý và 01 giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ Quản lý Giáo dục.

3. Điểm yếu Trường còn 04/30 giáo viên đạt chuẩn trình độ Cao đẳng. Tuy nhiên, 04/04 giáo viên do lớn tuổi nên chưa tham gia học tập nâng cao trình độ Đại học sư phạm mầm non.

03/03 nhân viên cấp dưỡng chưa đạt trình độ trung cấp nấu ăn, chiếm tỷ lệ 100%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ Cán bộ, giáo viên, cấp dưỡng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, giáo viên căn cứ Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT sửa đổi chương trình giáo dục mầm non để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp tình hình thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].
- b) Kế hoạch giáo dục nhà trường được các nhóm lớp xây dựng thành kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ [H1-1.8-02].
- c) Kế hoạch giáo dục các lớp được Tổ trưởng chuyên môn và phó hiệu trưởng kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp như: thăm lớp, dự giờ, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị. Tuy nhiên, một vài giáo viên lớn tuổi tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục, có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên lớn tuổi tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, theo điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá để nâng hiệu quả chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, Hiệu trưởng tổ chức lấy ý kiến để tất các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BNV ngày 13 tháng 01 năm 2016. [H1-1.9-01]. Tuy nhiên còn một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến.

b) Nhà trường không xảy ra các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

c) Hằng năm, nhà trường báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.7-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được công khai minh bạch tại các hội nghị, thông qua các buổi họp, niêm yết tại bảng tin của công đoàn, bảng tin trường; nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối... bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp, qua đó giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm, những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng, đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường; hằng năm nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ Quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trong các buổi họp còn vài giáo viên, nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện Quy chế dân chủ hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị, động viên gợi ý để các nhân viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

b) *Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an*

toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phương án vệ sinh an toàn thực phẩm, phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ, phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, phương án phòng, chống dịch bệnh, phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]. Bếp ăn của nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, công khai số điện thoại và hình thức tiếp công dân trực tiếp và trên cổng thông tin điện tử để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Nhà trường đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ.

c) Nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Mức 2:

a) Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]. Tuy nhiên hình thức tuyên truyền đến phụ huynh chưa đa dạng và phong phú.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến phụ huynh chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền đa dạng hơn, nâng cao hiệu quả phối hợp với phụ huynh trong việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống. Hiệu trưởng có kế hoạch trích kinh phí từ nguồn thu của trường mời báo cáo viên về trường phổ biến tập huấn và thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho đội ngũ. Sau buổi tập huấn, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch lộ trình để thực hiện hiệu quả trong công tác đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo quy định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Luôn đạt được thành tích tốt trong các phong trào thi đua của ngành và của trường.

Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Hình thức hoạt động chi đoàn chưa phong phú, đa dạng.

Một vài giáo viên lớn tuổi và giáo viên mới tổ chức hoạt động học cho trẻ còn chưa linh hoạt và sáng tạo.

Còn 03 nhân viên cấp dưỡng chưa nâng cao trình độ trung cấp.

Một vài giáo viên, nhân viên nhà trường ít tham gia đóng góp ý kiến xây dựng trong các buổi họp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/00

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ

Mở đầu:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng và đạt yêu cầu về trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, lối sống, có năng lực trong công tác quản lý và chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại trường, đáp ứng các yêu cầu đổi mới hiện nay của ngành học.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác 38 năm, trong đó có 27 năm làm công tác quản lý; phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 23 năm với 06 năm làm công tác quản lý đạt trình độ Thạc sĩ Quản lý Giáo dục; Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc, nuôi dưỡng có bằng Đại học Sư phạm Mầm non và đã qua lớp Trung cấp Lý luận chính trị [H1-1.4-01]. Tuy nhiên, trường có 01 phó hiệu trưởng vừa được bổ nhiệm vào tháng 11/2021.

b) Hằng năm, Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại xuất sắc theo Chuẩn Hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định; năm 2019-2020, năm 2022-2023 được đánh giá xếp loại khá, năm 2021-2022 được đánh giá xếp loại tốt [H2-2.1-01].

c) Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Hiệu trưởng đã qua lớp cử nhân quản lý giáo dục, lớp bồi dưỡng chuyên viên, phó hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đạt trình độ Thạc sĩ Quản lý Giáo dục [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại xuất sắc theo Chuẩn Hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định; năm 2019 -2020, năm 2020 -2021 được đánh giá xếp loại khá; năm 2021-2022 được đánh giá xếp loại tốt [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận trung cấp lý luận chính trị. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.6-01].

Mức 3:

Cán bộ quản lý nhà trường được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt mức khá trở lên theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non. Trong đó, năm 2018 đạt xuất sắc [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường có 01 năm được đánh giá xếp loại xuất sắc, 01 năm đánh giá tốt và 02 năm đánh giá khá theo Chuẩn Hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, được sự tín nhiệm cao từ tập thể và phụ huynh.

3. Điểm yếu

Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng vừa được bổ nhiệm vào tháng 11/2021 nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn công tác quản lý chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục luôn hướng dẫn phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng làm tốt hơn công tác phụ trách quản lý

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn

có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ gồm 30 giáo viên, trong đó 06 giáo viên phụ trách 03 nhóm nhà trẻ 25-36 tháng và 17 giáo viên phụ trách 9 lớp mẫu giáo: 03 lớp 3-4 tuổi; 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi; 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.7-02].

b) Trường có 26/26 - tỷ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong đó có 23/26 giáo viên trình độ trên chuẩn (Đại học Sư phạm Mầm non) đạt tỷ lệ 88.46%; 03/26 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 11.54%, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn được duy trì ổn định [H2-2.2-01].

c) Trong 05 năm trường đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng quy định, hằng năm giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trên 80% ở mức khá trở lên. [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Trình độ đào tạo đạt chuẩn của giáo viên 26/26 – tỷ lệ 100%, trong đó có 23/26 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ Đại học sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 88.46%; 03/26 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 11.54%, tỷ lệ giáo viên chuẩn được duy trì ổn định [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

c) Tập thể giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

Mức 3:

a) Trường có 23/26 - tỷ lệ 88.46% giáo viên đạt trình độ đại học [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm trường đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng quy định, hằng năm giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trên 80% ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định; 30/30 giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định, tỷ lệ 100% ; 23/26 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo, tỷ lệ 88.46% .Trường đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng quy định, hằng năm giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trên 80% ở mức khá trở lên.

3. Điểm yếu

Trong công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp, tỷ lệ giáo viên đạt Mức tốt chưa cao so với trường bạn. Còn 04 giáo viên chưa đạt trình độ trên chuẩn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tạo điều kiện, động viên giáo viên có trình độ cao đẳng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trên chuẩn. Tiếp tục có kế hoạch bồi dưỡng để nâng tỷ lệ giáo viên được đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) *Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) *Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) *Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường Mầm non 23/11 có đủ 11 nhân viên phụ trách các hoạt động của nhà trường do Hiệu trưởng phân công: 01 kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ, 03 cấp dưỡng [H2-2.3-01].

b) Nhân viên đều được qua trường lớp đào tạo chuyên ngành như: Kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, y tế có trình độ trung cấp y sỹ; thủ quỹ trình độ Đại học kế toán; 03 cấp dưỡng đã qua sơ cấp nấu ăn. Nhân viên của trường được phân công nhiệm vụ phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02]; Tuy nhiên, còn 03 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn, 03 bảo vệ chưa được văn bằng về chuyên môn nghiệp vụ.

- c) Năm học 2024-2025, nhân viên Trường Mầm non 23/11 có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: 01 nhân viên kế toán có trình độ đại học theo đúng chuyên môn, có 03 nhân viên nấu ăn có chứng chỉ sơ cấp; nhân viên bảo vệ có tình độ văn hóa 09/12 [H2-2.3-01].

Mức 2:

- a) Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường [H1-1.7-02].

- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: Kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán; thủ quỹ có trình độ đại học Kế toán; y tế có trình độ trung cấp y sĩ; cấp dưỡng đã qua lớp sơ cấp nấu ăn, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn [H2-2.2-01].

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Còn 03 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, ngoài ra tạo điều kiện 03 cấp dưỡng còn lại tham gia học lớp Trung cấp nấu ăn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non. 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, 88.46% giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn. 100% cán bộ quản lý và giáo viên được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn Hiệu trưởng và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường còn 3/3 bảo vệ chưa có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ bảo vệ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Các phòng học, bếp ăn, khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Vị trí đặt trường, điểm trường;

b) Quy mô;

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sân xây dựng các hạng mục công trình.

1. Mô tả hiện trạng

a) Trường Mầm non 23/11 có diện tích đất 2032.80m², bình quân 6.03m²/trẻ, các phòng học và phòng làm việc xây dựng kiên cố [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường rào bao quanh, được xây dựng chắc chắn, kiên cố; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Cổng chính có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

c) Diện tích sân chơi 1023.48m² được phân chia, bố trí thành nhiều khu vực chơi cụ thể: sân chơi dân gian, vận động tập thể, chơi với các đồ chơi vận động, an toàn giao thông; chơi cát, nước. Các khu vực sân chơi có nhiều cây xanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động, được quy hoạch, thiết kế phù hợp có cây xanh được cắt tỉa đẹp, đảm bảo an toàn khi trẻ vận động, học tập vui chơi ngoài trời. Hiện chơi các nhóm lớp có diện tích nhỏ, không đồng bộ. Cụ thể: diện tích hành lang trước khối nhà trẻ là 2.2m, khối chồi là 3.2m, khối mầm là 2.4m, khối lá là 4.4m [H3-3.1-03].

a) Diện tích sàn xây dựng công trình $1.009,32 \text{ m}^2 / 2.048 \text{ m}^2$ – tỷ lệ 49.3%, diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập $1.023,48 \text{ m}^2 / 2.048 \text{ m}^2$ – tỷ lệ 49.97% [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; sân chơi diện tích hẹp nên trường không có vườn cây riêng cho trẻ hoạt động khám phá [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, sân vườn luôn sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời phù hợp với trẻ như: cầu tuột, bập bênh nhún, cầu trượt, đu quay; xích đu, cầu thăng bằng [H3-3.1-05].

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động nhưng không rộng rãi thoải mái, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-05].

2. Điểm mạnh

Trường được xây dựng kiên cố, có biển tên trường và tường rào bao xung quanh, đảm bảo an toàn. Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Điểm yếu

Trường có diện tích đất hẹp chưa đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiện chơi các nhóm lớp có diện tích nhỏ, không đồng bộ, sân chơi diện tích hẹp có vườn cây riêng cho trẻ hoạt động khám phá trải nghiệm nhưng nhỏ hẹp nên các loại cây chưa phong phú đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục từng bước tu bổ, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, có kế hoạch tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng trường đạt chuẩn theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 13 phòng học, trong đó có 03 nhóm nhà trẻ và 10 lớp mẫu giáo, bao gồm: 03 phòng lớp 3-4 tuổi, 03 phòng lớp 4-5 tuổi, 04 phòng lớp 5-6 tuổi. Các phòng đều được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, khoa học thuận tiện chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi, quy mô phòng học và hạng trường [H3-3.2-01].

b) Trường không có phòng ngủ riêng nên các lớp sử dụng phòng sinh hoạt chung. Diện tích các lớp hẹp, không đồng đều; có đủ ánh sáng, thoáng mát, nền

nhà khô sạch; trẻ ăn ngủ tại phòng sinh hoạt; lớp được trang bị tủ kệ, tivi, đầu đĩa, casset, máy vi tính, kệ đồ chơi, đồ dùng, cá nhân phục vụ hoạt động của cháu đảm bảo an toàn, đúng qui cách bố trí sắp xếp gọn gàng [H3-3.2-02]. Phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 49.5m² và lịch sinh hoạt cụ thể. Phòng giáo dục nghệ thuật có gương áp tường, trang bị các đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, đàn casio, máy casset [H3-3.2-03]. Trường không có phòng tổ chức hoạt động giáo dục thể chất.

c) Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, đúng theo quy định, 100% phòng lớp có trang bị máy điều hòa, phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng giáo dục nghệ thuật có trang bị đồ dùng dụng cụ cho trẻ hoạt động [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-05].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, trang bị đầy đủ các trang thiết bị như: gương, đàn, dụng cụ âm nhạc, trang phục, ... Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Các phòng đều được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, khoa học thuận tiện chăm sóc, giáo dục trẻ

3. Điểm yếu

Các phòng lớp có diện tích hẹp không đồng đều không đúng theo quy định của trường mầm non. Trường không có phòng ngủ riêng, không có phòng giáo dục thể chất, chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì bảo đảm các phòng lớp sạch sẽ, có đủ trang thiết bị phục vụ cho từng phòng lớp. Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo cải tạo, xây dựng trường lớp đạt chuẩn theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 1:

- a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;
- b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;
- c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có các loại phòng như: phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng nhân viên, phòng y tế, phòng hành chính, phòng bảo vệ [H3-3.3-01].

- b) Các phòng đều được trang bị như: bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ, có các biểu bảng theo quy định, có máy vi tính nối mạng để làm việc và nghiên cứu [H3-3.3-02].

c) Nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn tiện lợi, trật tự. Tuy nhiên, diện tích nhà xe còn chật hẹp [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Phòng Hiệu trưởng diện tích 18m^2 , phòng phó hiệu trưởng diện tích 18m^2 , phòng hành chính diện tích 12.3m^2 , phòng y tế diện tích 8.2m^2 , phòng bảo vệ diện tích 2m^2 , phòng nhân viên diện tích 3.96m^2 , kho có diện tích 10m^2 [H3-3.1-01].

b) Nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên diện tích 24m^2 được xây dựng nằm trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi. Tuy nhiên, diện tích nhỏ chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường [H3-3.1-01].

Mức 3:

Nhà trường tiếp thu từ nhà dân được đầu tư, xây dựng, sửa chữa dần theo từng năm nên chưa đạt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng Hành chính quản trị, phòng y tế được trang bị đầy đủ trang thiết bị để làm việc; khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự.

3. Điểm yếu

Nhà xe giáo viên nhân viên diện tích nhỏ, chưa đủ đáp ứng với số lượng xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Nhà trường tiếp thu từ nhà dân được đầu tư, xây dựng, sửa chữa dần theo từng năm nên chưa đạt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ có kế hoạch tham mưu với các cấp lãnh đạo cải tạo, xây dựng các phòng làm việc đạt chuẩn theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố, có diện tích $40.5\text{m}^2/285$ trẻ trung bình $0.14\text{m}^2/\text{trẻ}$, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm, máy nấu nước nóng và hệ thống dẫn nước đến tận nồi nấu, tủ sấy chén, máy xay thịt, máy cắt rau củ, máy xay sinh tố. Có phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ [H3-3.4-01].

b) Đồ dùng dụng cụ sau khi sử dụng được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng. Trường có phân chia các khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trường có bố trí 01 kho thực phẩm, diện tích 6.5m^2 , 01 kho nước với diện tích 4m^2 . Tuy nhiên diện tích chưa đạt chuẩn theo quy định [H3-3.4-02].

c) Có 01 tủ lưu mẫu thức ăn đạt yêu cầu, hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn. 01 tủ lạnh bảo quản thực phẩm [H3-3.4-09]; [H3-3.4-03].

Mức 2:

Bếp ăn có diện tích $40.5 \text{ m}^2/285$ trẻ trung bình $0.14\text{m}^2/\text{trẻ}$. Nhà bếp được sắp xếp theo quy trình vận hành bếp 1 chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xắt thái, khu chế biến, khu chia thức ăn [H3-3.4-04]. Có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: Xe đẩy, tủ hấp cơm, máy nấu nước nóng, máy sấy tô chén, máy xay thịt, máy cắt rau củ, máy xay sinh tố, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện [H3-3.4-05]; có hệ thống hút khói [H3-3.4-06]; bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn [H3-3.4-07]; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.4-08].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo quy trình nhưng diện tích chưa đủ theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT).

2. Điểm mạnh

Nhà bếp được xây dựng kiên cố, thoáng, trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ bếp ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, các khu vực được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

3. Điểm yếu

Nhà trường có kho thực phẩm nhưng diện tích chưa đúng theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo cải tạo, xây dựng bếp ăn đạt chuẩn theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi học tập của trẻ như: các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện, được giáo viên sưu tầm, sáng tạo, tự làm... đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi [H3-3.5-02]. Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền và đạt tính thẩm mỹ cao.

c) Hằng năm nhà trường lập kế hoạch kiểm kê, sửa chữa, cải tạo, thay thế những công cụ dụng cụ bị hư hỏng, bổ sung nâng cấp đồ dùng đồ chơi, các thiết bị dạy học [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: phần mềm Mindjet Mind Manager 8.0, phần mềm quản lý tài sản ... [H3-3.5-04]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập các trò chơi Kidsmart [H3-3.5-05].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.5-06].

c) Hằng năm, trường có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 phù hợp như: các loại đồ chơi lắp ráp, các khối và các đồ chơi tự tạo bằng nguyên vật liệu mở (trò chơi bé làm nhạc công, đi trên gáo dừa, ném vòng vào cổ chai, ...) nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.5-07].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi. Các thiết bị đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định đảm bảo tính an toàn phù hợp với trẻ, sử dụng có hiệu quả trong chăm sóc giáo dục trẻ. Hằng năm nhà trường có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung nâng cấp thiết bị các đồ dùng, đồ chơi để đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền và đạt tính thẩm mỹ cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của đồ dùng, đồ chơi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, có đủ bồn tiểu, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính, có bồn rửa tay cho trẻ, có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng. Trường không có trẻ khuyết tật [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

b) Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Sử dụng nguồn nước máy để chế biến thức ăn, sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân. Có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn [H3-3.6-04]; các cháu được uống nước tinh khiết Bidrico của công ty TNHH SX&TM Tân Quang

Minh (KCN Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh) có giấy chứng nhận của công ty cung cấp nước sinh hoạt cho trẻ, giáo viên, nhân viên sử dụng [H3-3.4-08].

c) Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với công ty Hợp Tác xã Thương mại dịch vụ Nông nghiệp môi trường thanh niên, huyện Hóc Môn. Hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-05]. Trường có thùng chứa và phân loại rác thải, khu vực trước và sau sân trường, các lớp có thùng chứa rác thải, khu vực thu gom rác có trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.6-06].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh được xây khép kín bên trong các phòng lớp. Nhà vệ sinh các lớp không đồng bộ, diện tích lớn, nhỏ khác nhau do tiếp thu từ nhà dân và được cải tạo sửa chữa hằng năm nên không đúng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhà vệ sinh các lớp mẫu giáo có tổng diện tích $128.71\text{m}^2/229$ trẻ, trung bình $0.56\text{m}^2/\text{trẻ}$. Nhà vệ sinh nhóm nhà trẻ có tổng diện tích $14.24\text{m}^2/56$ trẻ, trung bình $0.25\text{m}^2/\text{trẻ}$, thiết bị vệ sinh phù hợp với trẻ, đủ phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân, được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và quan sát, mỗi bồn vệ sinh đều có vòi xịt rửa, có ghế bô cho trẻ nhà trẻ, vòi xịt cho cô làm vệ sinh cho trẻ [H3-3.6-07]. Trường có 2 khu nhà vệ sinh cho nhân viên, giáo viên, nhân viên. Nhà vệ sinh khu vực phía trước diện tích 6.4m^2 , nhà vệ sinh khu vực phía sau diện tích 5.04m^2 đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan của nhà trường [H3-3.6-08].

b) Trường sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch Công Ty cổ phần cấp nước Trung An, đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt cho trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-08]; [H3-3.6-04]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng

xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác thải. Bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-09].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các nhà vệ sinh đảm bảo khô ráo sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Phòng vệ sinh của lớp chưa đúng theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì nguồn kinh phí để đảm bảo hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước đạt chất lượng phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; tăng cường công tác tự kiểm tra hệ thống cống rãnh ông thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Hiệu trưởng tham mưu với các cấp lãnh đạo để có hướng giải quyết sửa chữa và mở rộng diện tích nhà vệ sinh nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của các cháu tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ bếp ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, các khu vực bếp được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường có kho thực phẩm tuy nhiên diện tích nhỏ hẹp, chưa đạt quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa có độ bền và tính thẩm mỹ cao.

Phòng vệ sinh của lớp chưa đúng theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ trẻ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDDT ngày 22 tháng 11 năm 2011. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang. Trường có sự phối hợp tốt với công an, dân quân trong việc đảm bảo an ninh trật tự trường học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm nhà trường có tổ chức đại hội cha mẹ trẻ, phụ huynh dự họp đầy đủ có biên bản họp từng lớp. Trong buổi họp phụ huynh đầu năm có bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, với tất cả là 13 thành viên, gồm: 01 trưởng ban, 01 phó ban và các thành viên. Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết năm học và công khai trong đại hội [H4- 4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 [H4- 4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, có thông tin hai chiều giữa nhà trường và phụ huynh học sinh thông qua bản tin của trường, lớp và trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của lớp [H4- 4.1-02].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-02]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H4- 4.1-03]. Giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc để thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-04]. Tuy nhiên, một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

Mức 3

Trong nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo kế hoạch đề ra, phối hợp với nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: phối hợp với hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em nhằm nâng cao trách nhiệm hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H4-4.1-04]. Tuy nhiên, vẫn còn một số phụ huynh là công nhân lao động nên việc vận động hỗ trợ kinh phí cho công tác vận động xã hội hóa giáo dục chưa cao, phụ huynh chưa có nhiều thời gian chăm sóc, đưa đón con đến trường nên việc tham gia vào các cuộc họp và hoạt động của trường còn chưa đầy đủ.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Điều lệ ban hành, phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động có hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh trong hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, hiệu trưởng tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thị trấn Hóc Môn trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4- 4.2-01]; nhà trường ký kết quy chế phối hợp với công an thị trấn Hóc Môn nhằm đảm bảo an ninh trường học [H4- 4.2-02].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, Group Zalo nhóm lớp, Website của nhà trường về các chế độ chính sách như: giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo. Các chế độ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid-19... [H4-4.1-03].

c) Trường phối hợp với chính quyền địa phương không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong trường [H4-4.2-02]; phối hợp với Trung tâm y tế huyện Hóc Môn, Trạm y tế thị trấn tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H4-4.2-04].

Mức 2

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc Khơ-me theo quy định. Nhà nước tạo điều kiện

giúp các cháu tiếp tục đến trường [H4-4.2-03], hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân huyện Hóc môn, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất sửa chữa xây dựng trường, xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học an toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.8-04]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-05].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: ngày hội bé đến trường, tết Trung thu, lễ hội giáng sinh, tham quan doanh trại bộ đội, lễ hội tết và mùa xuân, giỗ tổ Hùng Vương, dâng hương đài tưởng niệm liệt sĩ Ngã Ba Giồng, tham quan trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi [H4-4.2-04]; [H4-4.2-06].

Mức 3

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể cá nhân ở địa phương để xây dựng nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn. Có quy chế phối hợp lực lượng công an giữ gìn an ninh trật tự. Quy chế phối hợp ba môi trường giáo dục để chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.2-02]. Tuy nhiên, chưa xây dựng được nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể nhưng chưa xây dựng được nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Một số phụ huynh bận công tác nên chưa có thời gian tham gia nhiều hoạt động của nhà trường.

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non 23/11 thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên của trường biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen tốt, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, trường mầm non và khả năng, nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager 8.0, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-02].

c) Định kỳ, cán bộ quản lý nhà trường kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 2

a) Nhà trường có 26/26 giáo viên đạt tỷ lệ 100% số giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng [H1-1.8-02]. 100% giáo viên được công nhận Giáo viên giỏi cấp trường; năm học 2024-2025, trường có 05 giáo viên được công nhận Giáo viên giỏi cấp huyện [H1-1.2-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-04].

b) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục [H1-1.8-01], phó hiệu trưởng phụ trách hướng dẫn cho đội ngũ giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H5-5.1-01]. Tổ chức đa dạng các hoạt động giúp trẻ phát huy tính tích cực, củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho trẻ [H1-1.8-03]. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. Toàn trường trẻ được theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục là 236/236 trẻ, tỷ lệ 100%. Đánh giá 4 lĩnh vực phát triển đạt tốt đối với trẻ nhà trẻ đạt tỉ lệ như sau: thể chất: 82.71%, nhận thức: 86.41%, ngôn ngữ: 78.62%, tình cảm kỹ năng xã hội- thẩm mỹ: 87.65%. Đánh giá 5 lĩnh vực phát triển đạt tốt đối với trẻ mẫu giáo đạt tỉ lệ như sau: thể chất: 89.87%, nhận thức: 90.19%, ngôn ngữ: 92.44%, thẩm mỹ: 89.85%, tình cảm và kỹ năng xã hội: 93.17%. Trường có 73/73 trẻ 5-6 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và được cấp chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100 [H5-5.1-02].

Mức 3

a) Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

b) Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra. Chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nắm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: tham gia các lớp bồi dưỡng do phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

b) Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong

lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp - nhóm - cá nhân. Tuy nhiên, nhà trường chỉ tổ chức cho khối Mầm, Chồi và khối Lá đi tham qua dã ngoại [H5-5.2-01].

Mức 2

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế. Các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu. Giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

Mức 3

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động. Ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài chơi, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian [H5-5.2- 01]; [H1-1.8-02]

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức cho trẻ khối Mầm tham quan dã ngoại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn.

Cán bộ quản lý có kế hoạch phối hợp với phụ huynh tổ chức cho tất cả trẻ khối mẫu giáo tham quan, để trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm, khám phá môi trường bên ngoài.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho bé. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với trạm y tế thị trấn chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

b) Năm học 2024-2025: 236/236 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, trẻ suy dinh dưỡng - thừa cân - béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng [H5-5.3-03]. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động thừa cân [H5-5.3-03]. Học kỳ 2 năm học 2024-2025, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học; số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 84/281, đầu ra là 22/285, phục hồi 62/84 tỷ lệ: 73.81%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 28/281, đầu ra là 02/285, phục hồi 26/28 đạt tỷ lệ 92.86%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 07/281 trẻ, đầu ra là 01/285, phục hồi 06/07 đạt tỷ lệ 85.71%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 06/281, đầu ra là 00/285, phục hồi 06/06 đạt tỷ lệ 100%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng nặng (kênh C) đầu vào là 01/281, đầu ra là 0/285, phục hồi 01/01 đạt tỷ lệ 100% [H5-5.3-03].

Mức 2

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo

phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng thừa cân, béo phì [H5-5.3-01].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT). Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa. Các thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaour, bánh flan [H5-5.3-04].

c) Trường tổ chức cân cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ. Tính đến tháng 04/2024, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học: số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 55/246, đầu ra là 16/267, phục hồi 39/55 tỷ lệ: 70.91%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 10/246, đầu ra là 0/267, phục hồi 10/10 đạt tỷ lệ 100%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 03/246 trẻ, đầu ra là 00/267, phục hồi 03/03 đạt tỷ lệ 100%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn đầu vào là 02/246, đầu ra là 00/267, phục hồi 02/02 đạt tỷ lệ 100%. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng nặng (kênh C) đầu vào là 00/246, đầu ra là 0/267, phục hồi 0/0 đạt tỷ lệ 100%

Mức 3

Tính đến thời điểm đánh giá có 222/236 tỷ lệ 94.07% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, chưa đạt tỷ lệ 95% [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Trường phối hợp tốt với trạm y tế thị trấn trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phát triển bình thường theo độ

tuổi đạt tỷ lệ đạt 94.07%; Số lượng trẻ suy dinh dưỡng mãn và số lượng trẻ suy dinh dưỡng nặng (kênh C) được phục hồi 100%.

Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Sân trường rộng, thoáng, an toàn cho trẻ vận động.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chưa đạt 95% trở lên.

Tỷ lệ giảm trẻ béo phì là 5.08%, chưa đạt theo quy định

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện mô hình, tăng cường phối hợp với đoàn thể trong trường và phụ huynh trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì tại đơn vị. Tập thể nhà trường tuyên truyền đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, cho trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ hằng ngày; khi trẻ vắng không phép, giáo viên chủ động liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học. Trẻ đi học chuyên cần đạt trên 92% trong đó trẻ 5 tuổi đạt trên 95% trẻ lứa tuổi khác đạt trên 90% [H5-5.4-01].

b) Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 05 tuổi. Tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

c) Từ năm học 2018-2019 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Năm học 2024-2025 trường có 01 trường hợp trẻ thuộc hộ nghèo, được miễn giảm học phí theo qui định [H5-5.4-03].

Mức 2

a) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh nhằm vận động trẻ đi học đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt trên 95%, trẻ dưới 5-6 tuổi 90% [H5-5.4-01].

b) Trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4- 02].

c) Trong 5 năm nhà trường không có trẻ khuyết tật.

Mức 3

Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt mức quy định tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

Năm học 2024-2025 trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt trên mức quy định đạt 100%

3. Điểm yếu

Còn vài trẻ nghỉ học do cha mẹ cho trẻ về quê, tham quan du lịch, dịch bệnh nên tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần chưa cao so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mang tính khả thi. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ giúp trẻ đạt những kỹ năng phù hợp với độ tuổi, phù hợp với Chương trình Giáo dục mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Trường Mầm non 23/11 đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 tỷ lệ: 100%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỷ lệ: 0%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 21/25 tỷ lệ: 84%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 04/25 tỷ lệ: 16%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 07/19 tỷ lệ: 36.84%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 12/19 tỷ lệ: 63.16%.
- Mức đánh giá của Trường Mầm non 23/11: Mức 1;
- Trường Mầm non 23/11 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của trường Mầm Non 23/11 về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự quan tâm, hướng dẫn của các cấp lãnh đạo, đoàn thể chính quyền địa phương đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những

ưu điểm, khắc phục những hạn chế để nhà trường ngày càng tốt và hoàn thiện hơn./.

Hóc Môn, ngày 15 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Lý Mỹ Hương

Phần IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch Chiến lược phát triển của trường mầm non được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và đào tạo phê duyệt	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thị trấn Huyện Hóc môn	Nhiệm kỳ 2020-2025	Đảng ủy Thị trấn	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh niêm yết kế hoạch Chiến lược phát triển của trường mầm non	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-04]	Kế hoạch rà soát, bổ sung Chiến lược phát triển của trường mầm non	Năm 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.1-05]	Biên bản rà soát điều chỉnh bổ sung chiến lược xây dựng phát triển nhà trường	Năm 2019-2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng	Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			trường. và các hội đồng khác	đến 2024-2025		
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm. Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ các hội đồng: - Hội đồng trường - Hồ sơ thi đua - Tuyển sinh - Chấm sáng kiến kinh nghiệm.	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc, GD
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ công đoàn	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Công đoàn Trường Mầm non 23/11	Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ đoàn thanh niên	Năm học 2018-2019	Chi đoàn Trường	Chi đoàn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				đến 2024-2025	Mầm non 23/11	
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ hội chữ thập đỏ .	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hội CTĐ Trường Mầm non 23/11	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ hội khuyến học	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hội KH Trường Mầm non 23/11	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ chi bộ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Chi bộ Trường Mầm non 23/11	Bí thư Chi bộ
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng. Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng	QĐ số 4590/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 QĐ số 2517/QĐ-GDDT ngày 13/7/2018 .	UBND huyện Hóc Môn	Văn thư
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ.	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch năm của các tổ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng GD
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn	Các tổ trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ thực hiện chuyên đề cấp Quận Huyện cấp trường	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng GD

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Giáo viên
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý nhân sự	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quy hoạch, bổ nhiệm Cán bộ quản lý	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Sổ công văn đi, đến	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất.	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Kế toán	Phòng kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ quản lý bán trú	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ quyết toán	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Kế toán	Phòng kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ công khai và biên bản kiểm tra tài chính, tài sản	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Kế toán	Phòng kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	10	[H1-1.6-10]	Các phần mềm quản lý hành	Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			chính: - Phần mềm quản lý cán bộ công chức - Phần mềm EPMIS - Phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục - Phần mềm phổ cập giáo dục	đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	11	[H1-1.6-11]	Các phần mềm quản lý tài chính, tài sản: - Phần mềm quản lý tài sản - Phần mềm kế toán IMAS	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên cán bộ giáo viên	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ phân công phân nhiệm	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ quy chế dân chủ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ đánh giá quý theo Nghị quyết 03	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				đến 2024-2025	chăm sóc giáo dục	chăm sóc giáo dục
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của giáo viên	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ quản lý chuyên môn	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Bằng khen, giấy khen	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	UBND huyện, UBND thành phố	Văn thư
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ hội nghị cán bộ công chức	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo tổng kết công đoàn Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Các hợp đồng cung cấp thực phẩm.	đến 2021-2022	chăm sóc nuôi dưỡng	chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H1-1.10-03]	Hình ảnh hộp thư góp ý	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Biên bản phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án: - Đảm bảo an ninh trật tự - Vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích - An toàn phòng, chống cháy nổ - An toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 2.1	48	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn phó hiệu trưởng	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê trình độ giáo viên	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Trường Mầm non 23/11	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Trường Mầm non 23/11	Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non			
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên, nhân viên. Danh sách thống kê trình độ đội ngũ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Văn thư	Văn phòng
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ đánh giá cán bộ công chức hằng năm	Năm học 2018-2019 đến 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.3-03]	Công văn, danh sách tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn của nhân viên.	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ trường Bản đồ tổng thể hiện trạng vị trí từng khu của nhà trường, khuôn viên đất. - Sơ đồ khuôn viên của nhà trường.	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Trường Mầm non 23/11	Kế toán
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh biển tên trường, khuôn viên, các khu vực xung quanh tường rào.	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh các khu vui chơi ngoài trời	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
					dục	dục
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh chăm sóc vườn cây của bé	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	5	[H3-3.1-05]	Hình ảnh đồ chơi ngoài trời	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các phòng sinh hoạt chung và trang thiết bị	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh các phòng âm nhạc và trang thiết bị	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh hệ thống đèn, quạt các phòng	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh phòng lưu trữ hồ sơ, tủ, kệ đựng hồ sơ các phòng ban	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng	Phòng âm nhạc
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh trang thiết bị các phòng ban	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh trang thiết bị các phòng ban	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh nhà xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2024-2025	Trường Mầm non 23/11	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà bếp	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh các khu vực để thực phẩm	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H3-3.4-03]	Hình ảnh tủ lạnh lưu nghiệm thức ăn	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H3-3.4-04]	Hình ảnh qui trình bếp 01 chiều	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh đồ dùng, trang thiết bị trong nhà bếp	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	6	[H3-3.4-06]	Hình ảnh hệ thống hút khói	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	7	[H3-3.4-07]	Hình ảnh các bảng biểu nhà bếp	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	8	[H3-3.4-08]	Hợp đồng nước uống nước khoáng Lemont của công ty cổ phần Tân Sơn và xét nghiệm nước	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	9	[H3-3.4-09]	Sổ kiểm tra 3 bước	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Y tế	Phòng Y tế
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục các đồ dùng đồ chơi các lớp theo quy định Sổ tài sản các lớp Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi trong lớp	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H3-3.5-02]	Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi ngoài quy định; đồ chơi tự làm	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H3-3.5-03]	Hồ sơ kiểm kê, sửa chữa, thanh lý tài sản	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Kế toán	Phòng Kế toán
	4	[H3-3.5-04]	Hình ảnh máy tính các phòng ban	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H3-3.5-05]	Hình ảnh máy tính các lớp	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	6	[H3-3.5-06]	Hình ảnh trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	7	[H3-3.5-07]	Kế hoạch, hình ảnh bổ sung, thay thế đồ dung, đồ chơi ngoài danh mục	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh các lớp; nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	2	[H3-3.6-02]	Hình ảnh nhà vệ sinh các phòng chức năng	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H3-3.6-03]	Hình ảnh hệ thống thoát nước, cống rãnh	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H3-3.6-04]	Phiếu xét nghiệm nước	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H3-3.6-05]	Hợp đồng thu gom rác thải	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	6	[H3-3.6-06]	Hình ảnh thùng rác ở hành lang	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			các lớp		chăm sóc nuôi dưỡng	chăm sóc nuôi dưỡng
	7	[H3-3.6-07]	Hình ảnh trang thiết bị nhà vệ sinh	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	8	[H3-3.6-08]	Hình ảnh nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	9	[H3-3.6-09]	Hình ảnh khu tập trung rác thải	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Quyết định thành lập ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Hình ảnh Cha mẹ trẻ nghe báo cáo chuyên đề.	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H4-4.1-04]	Hình ảnh minh họa tuyên truyền đến phụ huynh	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập Giáo dục mầm non	Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				đến 2024-2025		trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Quy chế phối hợp với công an Thị trấn	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ giảm học phí trẻ hộ nghèo, cận nghèo	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Kế toán	Phòng kế toán
	4	[H4-4.2-04]	Hồ sơ phối hợp tuyên truyền y tế	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	5	[H4-4.2-05]	Văn bản đề xuất trang bị cơ sở vật chất, xây dựng, bổ sung sửa chữa xây dựng trường.	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H4-4.2-06]	Kế hoạch hoạt động lễ hội, sự kiện	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ kết quả đánh giá trẻ em	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H5-5.1-02]	Bộ công cụ đánh giá trẻ 5 tuổi Bảng tổng hợp đánh giá trẻ của các lớp	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và giáo viên khối lá	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh các hoạt động của trẻ	Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Hình ảnh hoạt động lễ hội, sự kiện, tham quan dã ngoại.	đến 2024-2025	và giáo viên	trưởng
Tiêu chí 5.3	2	[H5-5.3-01]	Hồ sơ y tế	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	3	[H5-5.3-02]	Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Nhân viên y tế và giáo viên	Phòng y tế
	4	[H5-5.3-03]	Hồ sơ phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H5-5.3-04]	Sổ thực đơn	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Bảng tổng hợp chuyên cần của trẻ	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	2	[H5-5.4-02]	Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non	Năm học 2018-2019 đến 2024-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H5-5.4-03]	Hồ sơ học sinh thuộc diện hộ nghèo được miễn giảm học phí	Năm học 2024-2025	Kế toán	Phòng kế toán